

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 19 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 54/2025/HNGĐ-ST
Ngày 28/11/2025
V/v yêu cầu không công nhận
quan hệ vợ chồng.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 19 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Trần Hữu Duyên.

- *Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Phạm Văn Trung;

Bà Võ Thị Thu Thảo.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Phạm Thị Hải Yến - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 19 - Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 19 - Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:* Bà Hoàng Ngọc Tuyết - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 11 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 19 - Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 101/2025/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 10 năm 2025 về việc “Yêu cầu không công nhận quan hệ vợ chồng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 181/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 11 năm 2025 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Lê Thị T, sinh năm 1980; địa chỉ: Số A, KDC A, ấp E, xã P, huyện Đ, tỉnh Đồng Nai (nay là xã Đ, tỉnh Đồng Nai), có đơn xin vắng mặt.

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Ngọc L, sinh năm 1981; địa chỉ: Tổ A, ấp B, xã P, huyện P, tỉnh Bình Dương (nay là xã P, Thành phố Hồ Chí Minh), có đơn xin vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai của nguyên đơn bà Lê Thị T trình bày:

- Về hôn nhân: Bà Lê Thị T và ông Nguyễn Ngọc L chung sống với nhau từ năm 2002. Việc chung sống giữa bà T và ông Nguyễn Ngọc L là do hai người tự

nguyện nhưng không đăng ký kết hôn. Thời gian đầu chung sống với nhau hạnh phúc nhưng sau đó thì không còn hạnh phúc nữa. Nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng quan điểm và hay cãi nhau, không hợp nhau. Tình cảm vợ chồng bị rạn nứt và không còn hàn gắn được nữa. Hiện tại, cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc, tình cảm vợ chồng đã không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể tiếp tục kéo dài. Vì vậy, bà Lê Thị T yêu cầu không công nhận quan hệ vợ chồng với ông Nguyễn Ngọc L.

- Về con chung: Quá trình chung sống, bà Lê Thị T và ông Nguyễn Ngọc L có 02 con chung tên Nguyễn Ngọc A, sinh năm 2003 và Nguyễn Ngọc A1, sinh năm 2005. Hiện nay, các con chung đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai, bị đơn ông Nguyễn Ngọc L trình bày:

- Về hôn nhân: Ông Nguyễn Ngọc L thống nhất với lời khai của bà Lê Thị T về thời gian sống chung với nhau tự nguyện nhưng không có đăng ký kết hôn. Ông L nhận thấy cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc, nguyên nhân mâu thuẫn đã đến mức trầm trọng, không thể hàn gắn được. Với yêu cầu không công nhận quan hệ vợ chồng của bà Lê Thị H thì ông Nguyễn Ngọc L đồng ý.

- Về con chung: Quá trình chung sống, ông Nguyễn Ngọc L và bà Lê Thị T có 02 con chung tên Nguyễn Ngọc A, sinh năm 2003 và Nguyễn Ngọc A1, sinh năm 2005. Hiện nay, các con chung đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 19 – Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu:

Về tố tụng: Trong quá trình thụ lý, chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký và những người tham gia tố tụng đã tiến hành đúng, đầy đủ các thủ tục và thực hiện theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Về hôn nhân, bà Lê Thị T và ông Nguyễn Ngọc L chung sống với nhau, có tổ chức lễ cưới theo phong tục nhưng không có đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống xảy ra mâu thuẫn, vợ chồng thường bất đồng quan điểm, cuộc sống gia đình, vợ chồng không thương yêu, không quan tâm, chăm sóc và giúp đỡ nhau, tình cảm vợ chồng bị rạn nứt, không còn hàn gắn được nữa. Hiện nay, bà T và ông L không còn chung sống với nhau. Vì vậy, căn cứ vào khoản 1 Điều 14 của Luật Hôn nhân và gia đình, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Lê Thị T và ông Nguyễn Ngọc L.

Về con chung: Quá trình chung sống, bà Lê Thị T và ông Nguyễn Ngọc L có 02 con chung tên Nguyễn Ngọc A, sinh năm 2003 và Nguyễn Ngọc A1, sinh năm 2005. Hiện nay, các con chung đã trưởng thành, đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên toà, kết quả tranh tụng tại phiên toà. Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị T về việc yêu cầu không công nhận quan hệ vợ chồng nên đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; hiện bị đơn ông Nguyễn Ngọc L đang thường trú tại ấp B, xã P, huyện P, tỉnh Bình Dương (nay là xã P, Thành phố Hồ Chí Minh) và nguyên đơn bà Lê Thị T có đơn khởi kiện tại Tòa án nhân dân khu vực 19 - Thành phố Hồ Chí Minh nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 19 - Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về việc vắng mặt của nguyên đơn, bị đơn: Nguyên đơn bà Lê Thị T và bị đơn ông Nguyễn Ngọc L có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt theo quy định của pháp luật. Do vậy, căn cứ vào các Điều 227, 228 và điểm a khoản 1 Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt các đương sự.

[3] Về hôn nhân: Nguyên đơn bà Lê Thị T và bị đơn ông Nguyễn Ngọc L thừa nhận chung sống tự nguyện như vợ chồng, không có đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống xảy ra mâu thuẫn, vợ chồng thường bất đồng quan điểm, cuộc sống gia đình mâu thuẫn thường xuyên, vợ chồng không thương yêu, không quan tâm, chăm sóc và giúp đỡ nhau, tình cảm vợ chồng bị rạn nứt, không còn hàn gắn được nữa. Do đó, bà Lê Thị Thanh khởi K yêu cầu Tòa án không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Lê Thị T với ông Nguyễn Ngọc L

[4] Hội đồng xét xử xét thấy, bà Lê Thị T và ông Nguyễn Ngọc L có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình, chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2002 cho đến nay mà không đi đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống, mâu thuẫn vợ chồng giữa bà T và ông L đã trầm trọng, cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc, tình cảm vợ chồng đã không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể tiếp tục kéo dài. Vì vậy, căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét

xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị T đối với bị đơn ông Nguyễn Ngọc L về việc yêu cầu không công nhận quan hệ vợ chồng.

[5] Về con chung: Quá trình chung sống, bà Lê Thị T và ông Nguyễn Ngọc L có 02 con chung tên Nguyễn Ngọc A, sinh năm 2003 và Nguyễn Ngọc A1, sinh năm 2005. Hiện nay, các con chung đã trưởng thành, đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét

[6] Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[7] Xét đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 19 – Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Về án phí: Đương sự phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[9] Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 147, 227, 228, 238, 246, 264, 266, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 14, 15, 51, 53, 56, 58, 81, 82, 83, 84, 85, 86 và Điều 87 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị T đối với bị đơn ông Nguyễn Ngọc L về việc “Yêu cầu không công nhận quan hệ vợ chồng”.

2. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Lê Thị T với ông Nguyễn Ngọc L.

3. Về con chung: Quá trình chung sống, bà Lê Thị T và ông Nguyễn Ngọc L có 02 con chung tên Nguyễn Ngọc A, sinh năm 2003 và Nguyễn Ngọc A1, sinh năm 2005. Hiện nay, các con chung đã trưởng thành, đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

4. Về tài sản chung, nợ chung: Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

5. Về án phí: Bà Lê Thị T phải nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí do bà Lê Thị T đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0008285 ngày 08 tháng 8 năm 2025 tại Thi hành án dân sự Thành phố H.

6. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND Thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND Thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSNDKV 19-Thành phố Hồ Chí Minh;
- THADS Thành phố Hồ Chí Minh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Hữu Duyên